



**QUY TRÌNH  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU  
KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Mã số: V601-13

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần ban hành: 00

Trang/Tổng số: 1/9

**CHI CỤC THÚ Y VÙNG VI**

**TÀI LIỆU KIỂM SOÁT**

1. Những người có liên quan phải đọc, hiểu và thực hiện theo đúng nội dung của quy định này.
2. Nội dung trong quy định này có hiệu lực như sự chỉ đạo của Chi cục trưởng.
3. Mỗi bộ phận chỉ được phân phối duy nhất 01 bản (có đóng dấu kiểm soát), các bản sao có mã số khác với bản này phải được loại bỏ ngay, tuyệt đối không được sử dụng.


**PHÂN PHỐI TÀI LIỆU**

TT	NƠI NHẬN	TT	NƠI NHẬN	TT	NƠI NHẬN
<input type="checkbox"/>	Chi cục trưởng	<input type="checkbox"/>	P. KĐĐV và TYCĐ	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐĐV Vũng Tàu
<input type="checkbox"/>	Phó Chi cục trưởng	<input type="checkbox"/>	TT CĐXN BĐV	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐĐV Mộc Bài
<input type="checkbox"/>	P. Tổng hợp	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐĐV TSN	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐĐV Bình Hiệp
<input type="checkbox"/>	P. Dịch tễ Thú y	<input type="checkbox"/>	Trạm KĐĐV Cảng-BĐ	<input type="checkbox"/>	

**THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

Lần sửa đổi	Ngày sửa đổi	Nội dung và hạng mục sửa đổi

	Soạn thảo/ sửa đổi	Xem xét	Phê duyệt
Chức vụ	Trưởng phòng KĐĐV và TYCĐ	Phó Chi cục trưởng	Chi cục trưởng
Chữ ký			
Họ và tên	Nguyễn Hoàng Tân	Lý Hoài Vũ	Bạch Đức Lưu

	<b>QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y</b>	Mã số: V601-13
		Ngày ban hành: 16/12/2022
		Lần ban hành: 00
		Trang/Tổng số: 2/9

### 1. MỤC ĐÍCH:

Quy trình này quy định trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (sau đây gọi là Giấy chứng nhận VSTY) đối với các cơ sở làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận VSTY tại Chi cục Thú y vùng VI.

### 2. PHẠM VI ÁP DỤNG:

Áp dụng đối với:

- Cơ sở có liên quan đến hoạt động kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh thú y.
- Phòng Tổng hợp, Phòng Kiểm dịch động vật và Thú y cộng đồng, các Trạm Kiểm dịch động vật cửa khẩu, các đơn vị liên quan trực thuộc Chi cục Thú y vùng VI thực hiện quy trình này.

### 3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

*Luật Thú y 2015;*

*Luật Chăn nuôi 2018;*

*Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y;*

*Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Nghị định 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Thông tư số 71/2011/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực Thú y;*

*Thông tư số 30/2012/TT-BNNPTNT ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định các điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất, nhập khẩu;*

*Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;*



**QUY TRÌNH  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU  
KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Mã số: V601-13

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần ban hành: 00

Trang/Tổng số: 3/9

*Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản*

*Thông tư 35/2018/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Thông tư 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;*

*Thông tư 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;*

*Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;*

*Thông tư 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;*

*Thông tư 101/2020/TT-BTC, ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;*

*Quyết định số 4251/QĐ-BNN-TY ngày 27/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ (chuyên ngành Thú y);*

*Quyết định số 577/QĐ-TY-VP ngày 04/10/2017 của Cục Thú y về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y vùng VI,*

**4. ĐỊNH NGHĨA (Các thuật ngữ, từ viết tắt có trong quy trình)**

**QCVN 01-99:2012/BNNPTNT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật trên cạn.

**TT09:** Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2022.

	<b>QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y</b>	Mã số: V601-13
		Ngày ban hành: 16/12/2022
		Lần ban hành: 00
		Trang/Tổng số: 4/9

**TT10** Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14/9/2022.

**HS:** Hồ sơ

**GCNVSTY:** Giấy chứng nhận vệ sinh thú y.

**VSTY:** Vệ sinh thú y.

**GCN:** Giấy chứng nhận.

**Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận VSTY:** Chi cục Thú y vùng VI đối với các cơ sở nhập khẩu; cơ sở hỗn hợp nhập khẩu và tiêu dùng trong nước tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc địa bàn vùng VI (11 tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre).

**Trưởng đoàn:** Là lãnh đạo cấp phòng/trạm trở lên hoặc công chức có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước về thú y, chăn nuôi thú y.

**Thành viên:** Có ít nhất 01 thành viên được tập huấn về đánh giá điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở do Cục Thú y tổ chức; có ít nhất 01 thành viên có trình độ từ đại học trở lên về một trong các lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản;

**Người lấy mẫu:** Có chuyên môn về một trong các lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản; có giấy chứng nhận tham gia đào tạo hoặc tập huấn có nội dung về lấy mẫu.

**Cơ sở:** Cơ sở ấp trứng; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở gia công, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật để kinh doanh; kho bảo quản sản phẩm động vật; chợ chuyên kinh doanh động vật, chợ kinh doanh động vật nhỏ lẻ, cơ sở thu gom động vật; cơ sở kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật; cơ sở phẫu thuật động vật; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm (theo yêu cầu của nước nhập khẩu).





**QUY TRÌNH  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU  
KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Mã số: V601-13

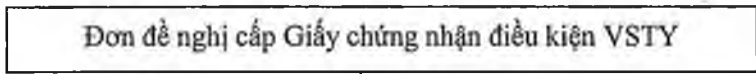
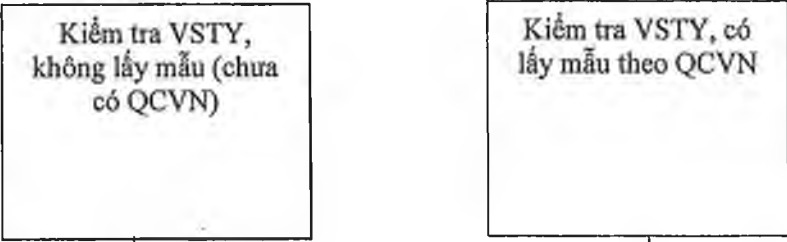



Ngày ban hành: 16/12/2022


Lần ban hành: 00

Trang/Tổng số: 5/9

**5. NỘI DUNG QUY TRÌNH:**

**5.1. Lưu đồ**

TT	Trách nhiệm	Nội dung cấp Giấy chứng nhận điều kiện VSTY	Thời gian giải quyết	Mô tả/ biểu mẫu
1	Trưởng đoàn; Thành viên		Trong thời gian <b>01</b> ngày làm việc	Xem 5.2.1
2	Trưởng đoàn; Thành viên		Trong thời hạn <b>15</b> (mười lăm) ngày làm việc	Xem 5.2.2 đến 5.2.7
				
				
3	Trưởng đoàn; Thành viên			

	<b>QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y</b>	Mã số: V601-13
		Ngày ban hành: 16/12/2022
		Lần ban hành: 00
		Trang/Tổng số: 6/9

## 5.2. Diễn giải lưu đồ

### 5.2.1. Tiếp nhận Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện VSTY

a) Chủ cơ sở nộp 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận VSTY cho Chi cục Thú y vùng VI;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận VSTY của cơ sở; đơn vị tiếp nhận hồ sơ phải xem xét tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho cơ sở nếu hồ sơ không đầy đủ; trường hợp Chủ cơ sở nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn và trả lời ngay cho người nộp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ;

c) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện VSTY tại cơ sở, cấp Giấy chứng nhận VSTY nếu đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận VSTY, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2.1.1. Hình thức nộp hồ sơ: trực tiếp; gửi qua: dịch vụ công trực tuyến; gửi theo đường dịch vụ bưu chính; thư điện tử, fax (sau đó gửi hồ sơ bản chính).

5.2.1.2. Thành phần hồ sơ:

a) Mẫu 01 của Phụ lục, TT10;

b) Mẫu số 02 của Phụ lục, TT10.

### 5.2.2 Nội dung kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở

a) Nội dung kiểm tra:

Kiểm tra yêu cầu về: địa điểm, cơ sở vật chất, nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu đầu vào để sản xuất kinh doanh, nước để sản xuất; con người tham gia sản xuất, kinh doanh và quản lý chất lượng; chương trình quản lý vệ sinh thú y đang áp dụng; việc quản lý và xử lý chất thải rắn, nước thải và các nội dung khác theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Nội dung, kết quả kiểm tra được ghi vào Biên bản theo Mẫu 07 Phụ lục, TT10;

b) Phương pháp kiểm tra: kiểm tra hồ sơ, tài liệu và phỏng vấn các đối tượng có liên quan; kiểm tra hiện trường, lấy mẫu theo quy định.



**QUY TRÌNH  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU  
KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Mã số: V601-13

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần ban hành: 00

Trang/Tổng số: 7/9

**5.2.3. Nội dung, phương pháp giám sát đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận VSTY**

a) Nội dung giám sát: theo quy định tại điểm a khoản này (loại trừ yêu cầu về địa điểm); nội dung, kết quả giám sát được ghi vào Biên bản theo Mẫu 07 Phụ lục, TT10;

b) Phương pháp giám sát: theo quy định tại điểm b khoản 5.2.2; lấy mẫu kiểm nghiệm (trong trường hợp nghi ngờ cơ sở không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y).

c) Tần suất giám sát: 01 lần/18 tháng. Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm động vật để xuất khẩu: thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

**5.2.4. Trường hợp thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật:** áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ quan đánh giá, cấp Giấy chứng nhận VSTY đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện (máy tính, đường truyền internet, ứng dụng phần mềm, máy ghi âm, ghi hình); tạm hoãn tối đa 06 tháng hoạt động đánh giá giám sát định kỳ; hoặc thực hiện gia hạn tạm thời tối đa 06 tháng Giấy chứng nhận VSTY trên cơ sở xem xét hồ sơ đầy đủ, hợp lệ mà không phải tổ chức đánh giá trực tiếp tại hiện trường. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho cơ quan đánh giá. Việc đánh giá trực tiếp sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định của pháp luật; thực hiện thu hồi ngay Giấy chứng nhận VSTY đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật.”

**5. 2. 5. Cấp GCN điều kiện VSTY**

Căn cứ vào kết quả kiểm tra VSTY:

a) Nếu cơ sở đạt yêu cầu

- Trưởng đoàn Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y.

- Cấp GCN điều kiện VSTY (Mẫu 06, TT10). Giấy chứng nhận VSTY có hiệu lực trong thời gian 03 (ba) năm.

b) Nếu cơ sở không đạt yêu cầu:

Thông báo cho cơ sở kiểm tra

	<b>QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y</b>	Mã số: V601-13
		Ngày ban hành: 16/12/2022
		Lần ban hành: 00
		Trang/Tổng số: 8/9

c) Thu phí và lệ phí theo quy định.

#### 5. 2.6. Phê duyệt của lãnh đạo chi cục

Đơn vị được Lãnh đạo Chi cục phân công kiểm tra VSTY soạn Quyết định cấp GCN đủ điều kiện VSTY.

#### 5. 2. 7. Phát hành GCN đủ điều kiện VSTY

Đơn vị được Lãnh đạo Chi cục phân công kiểm tra VSTY giao GCN cho cơ sở.

**5.3. Các loại Giấy chứng nhận có giá trị tương đương Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y bao gồm:** Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP), Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu (GLOBALG.A.P.), Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000), Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi. Cơ sở có một trong các loại giấy chứng nhận trên không phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y, trừ trường hợp theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

**5.4. Mẫu lấy từ các cuộc kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở phải được phân tích bởi phòng thử nghiệm có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định.**

### 6. HỒ SƠ LƯU

Loại hồ sơ	Hình thức lưu	Trách nhiệm lưu	Thời gian lưu
1. Hồ sơ cơ sở nộp: - Đơn đề nghị cấp GCN điều kiện VSTY (Mẫu 01, phụ lục, TT 10) - Mô tả tóm tắt cơ sở (Mẫu 02, phụ lục, TT 10) - Những giấy tờ khác có liên quan (nếu có) 2. Hồ sơ đơn vị được phân công kiểm tra, giám sát quản lý - Mẫu 01, Mẫu 02, phụ lục TT 10)	Phương pháp lưu Bản cứng lưu trong các cặp file	Cơ quan	04 năm





**QUY TRÌNH  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU  
KIỆN VỆ SINH THÚ Y**

Mã số: V601-13

Ngày ban hành: 16/12/2022

Lần ban hành: 00

Trang/Tổng số: 9/9

- |   |  |  |  |
|---|--|--|--|
| - Biên bản kiểm tra VSTY (Mẫu 07, phụ lục, TT 10) |  |  |  |
| - Kết quả thử nghiệm (nếu có)                     |  |  |  |
| - GCN điều kiện VSTY (Mẫu 06, TT 10)              |  |  |  |

GVI  
ÍT



**PHIẾU YÊU CẦU XÉT NGHIỆM**  
 (Dành cho sản phẩm động vật)

**Kính gửi: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN XÉT NGHIỆM BỆNH ĐỘNG VẬT**

Phần dành cho  
Phòng thử nghiệm

1. Đơn vị gửi mẫu:  Phòng TH  Phòng KĐĐV và TYCĐ  Trạm KĐĐV V.Tàu  Trạm KĐĐV B.Hiệp  
 Trạm KĐĐV Cảng, Bưu điện  Trạm KĐĐV Tân Sơn Nhất  Trạm KĐĐV Mộc Bài

Số hợp đồng: .....  
 Số TTCD: .....  
 Ngày nhận mẫu: .....

2. Nguồn gốc mẫu: Xuất  Nhập  Khác

Số mã hóa:

**CHI CỤC THÚ Y VÙNG VI**  
**TÀI LIỆU KIỂM SOÁT**

TT	Tên mẫu kiểm dịch	Ký hiệu	Trọng lượng mẫu	Tình trạng bao gói/nhiệt độ	Số mẫu xét nghiệm
1					
2					
3					
4					
5					

**3. Nội dung yêu cầu xét nghiệm**

**CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM**

Cảm quan:

**Bệnh động vật trên cạn**  
 Lở mồm long móng  Dịch tả lợn Châu Phi  Sảy thai truyền nhiễm  
 Cúm gia cầm thể độc lực cao  Newcastle  Salmonella spp.

**Bệnh Tôm:**  
 Hoại tử gan tụy cấp (AHPND)  Hoại tử gan tụy (NHP)  Hoại tử CQ tạo máu và CQ biểu mô (IHHNV)  
 Hoại tử cơ (IMNV)  Đốm trắng (WSSV)  Đầu vàng (YHV1)  Taura (TSV)  Sữa tôm hùm (R.L)

**Bệnh Cua:**  Đốm trắng (WSSV)

**Bệnh Cá:**  
 Xuất huyết mùa xuân ở cá chép (SVCV)  KHV  Hoại tử thần kinh (VNN)  Hoại huyết cá hồi (ISA)  
 Hoại tử cơ quan tạo máu (IHNV)  Alphavirus  RSIV  Hội chứng lở loét (EUS)  TiLV

**Bào ngư:**  Bệnh do vi rút herpes (AbHV)

**Nhuễn thể:**  Perkinsus olseni  Perkinsus marinus

**Loài Ếch:**  Batrachochytrium dendrobatidis

**Giám định ADN loài:**  Bò  Cừu  Dê  Ngựa  Lợn  Gà  Tôm  Cua  Trâu

**Hóa lý – Dư lượng:**  H<sub>2</sub>S  NH<sub>3</sub>  Chloramphenicol; Các chỉ tiêu khác:.....

**Ký sinh trùng:**  Côn trùng sống  Trichinella

**Vi sinh vật:**  E. coli  Salmonella  TVKHK  Enterobacteriaceae  Staphylococcus aureus

**Các chỉ tiêu khác:**.....

**Xem xét yêu cầu xét nghiệm**

Đạt yêu cầu, xét nghiệm.  
 Không đạt yêu cầu xét nghiệm.  
 PTN tự lựa chọn phương pháp thử.  
 Đơn vị gửi mẫu chọn phương pháp thử .....  
 Sử dụng nhà thầu phụ (ghi rõ nơi thực hiện): .....  
 Ngày dự kiến trả KQ  
 ... /... /...../.

- Khách hàng đã đọc, hiểu và đồng ý các nội dung phiếu yêu cầu này.  
 - Thông tin của khách hàng có thể được sử dụng cho việc đánh giá năng lực của PTN.  
 Người gửi mẫu: Ngày ... tháng..... năm 20...  
 (ký, ghi rõ họ tên):

Người nhận mẫu: .....  
 (ký, ghi rõ họ tên)

1. Người/đơn vị gửi mẫu vui lòng ghi đúng, đầy đủ và rõ ràng các thông tin trong phiếu yêu cầu xét nghiệm.  
 2. Trong trường hợp bên gửi mẫu không yêu cầu cụ thể phương pháp thử thì Phòng thử nghiệm được quyền chọn lựa phương pháp thử, nhà thầu phụ phù hợp.  
 3. Thời gian lưu, trả, hủy mẫu theo quy định hiện hành của Chi cục Thú y vùng VI.  
 4. Bản chính Phòng thử nghiệm giữ, bản sao phiếu này được giao cho đơn vị gửi mẫu và có giá trị như bản chính.